

CHUYÊN ĐỀ NGỮ PHÁP TIẾNG ANH NÂNG CAO

Cấu Trúc Chuyển Đổi Tân Ngữ - Verb + Objects (Mở Rộng & Luyện Thi)

CEFR Level: B1 - C2 | Double Objects & Prepositional Transformation

"Trao gửi tân ngữ đúng vị trí,
Học chăm, luyện chữ vững tương lai!"

1. Định Nghĩa & Các Cấu Trúc Cốt Lõi

Cấu trúc này quy định cách sắp xếp vị trí giữa **tân ngữ gián tiếp (người nhận)** và **tân ngữ trực tiếp (vật được trao)** trong câu với các động từ hai tân ngữ (ditransitive verbs).

- Cấu trúc cơ bản (Double Objects):** **S + V + [Indirect Object (Người)] + [Direct Object (Vật)]** (Đặt người ngay sau động từ).
- Cấu trúc dùng Giới từ (Prepositional Objects):** **S + V + [Direct Object (Vật)] + (to / for) + [Indirect Object (Người)]** (Nhấn mạnh vào vật hoặc khi vật là cụm từ dài).
- Quy tắc phân biệt TO và FOR:**
 - Dùng **TO** (Hướng tới): Khi hành động chuyển giao trực tiếp từ người này sang người kia (give, send, show, lend, pay, tell, write, bring, hand, pass...).
 - Dùng **FOR** (Dành cho): Khi hành động mang tính chất làm giúp hoặc dành tặng cho ai đó (buy, make, cook, find, get, choose, build, keep, save...).

2. Hệ Thống Ví Dụ Minh Họa Mở Rộng (Từ Cơ Bản Đến Nâng Cao)

Dưới đây là hệ thống ví dụ phong phú kèm theo từ loại (Word Family), bản dịch tiếng Việt theo nguyên tắc "*Dịch là Diệt (To translate is the same to kill)*" và giải thích chi tiết giúp học sinh luyện thi vào lớp 10 và THPT Quốc gia:

Động từ & Nhóm	Word Family	Cấu trúc 1 (Không giới từ) & Cấu trúc 2 (Có giới từ)	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
Buy (FOR)	Buy (v), Buyer (n) (Word Family: buy, buyer, bought)	They bought us some flowers. → They bought some flowers for us .	Bản dịch: Họ đã mua một ít hoa cho chúng tôi. <i>Giải thích:</i> Dùng "for" vì hành động mua mang tính chất làm giúp/tặng.
Give (TO)	Give (v), Gift (n) (Word Family: give, gave, given, gift)	He gave me a pen. → He gave a pen to me .	Bản dịch: Anh ấy đã đưa cho tôi một cây bút. <i>Giải thích:</i> Dùng "to" vì có sự chuyển giao trực tiếp vật từ tay người này sang người kia.
Send (TO)	Send (v), Sender (n) (Word Family: send, sent, sender)	She sent him a letter. → She sent a letter to him .	Bản dịch: Cô ấy đã gửi một bức thư cho anh ấy. <i>Giải thích:</i> Sự chuyển giao thông điệp/vật phẩm qua không gian.
Make (FOR)	Make (v), Maker (n) (Word Family: make, made, maker)	She made her son a cake. → She made a cake for her son .	Bản dịch: Cô ấy đã làm một chiếc bánh cho con trai mình. <i>Giải thích:</i> Dùng "for" vì là hành động làm giúp/dành tặng.

Động từ & Nhóm	Word Family	Cấu trúc 1 (Không giới từ) & Cấu trúc 2 (Có giới từ)	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
			động tạo ra sản phẩm dành tặng ai đó.
Show (TO)	Show (v, n) (Word Family: show, showed, shown)	Can you show me the way? → Can you show the way to me ?	Bản dịch: Bạn có thể chỉ đường cho tôi được không? <i>Giải thích:</i> Sự hướng dẫn, chuyển giao thông tin trực tiếp.
Cook (FOR)	Cook (v, n), Cooking (n) (Word Family: cook, cooker, cooked)	My mother cooked us a big meal. → My mother cooked a big meal for us .	Bản dịch: Mẹ tôi đã nấu một bữa ăn lớn cho chúng tôi. <i>Giải thích:</i> Hành động chuẩn bị bữa ăn phục vụ người khác (dùng "for").
Lend (TO)	Lend (v), Loan (n) (Word Family: lend, lent, loan)	He lent his friend some money. → He lent some money to his friend .	Bản dịch: Anh ấy đã cho bạn mình mượn ít tiền. <i>Giải thích:</i> Cho mượn có hoàn trả, dùng "to" chỉ hướng chuyển giao quyền sử dụng.
Find (FOR)	Find (v), Finding (n) (Word Family: find, found, finder)	She found her dog a new toy. → She found a new toy for her dog .	Bản dịch: Cô ấy đã tìm một món đồ chơi mới cho chú chó của mình. <i>Giải thích:</i> Hành động tìm kiếm giúp ai đó, dùng "for".
Write (TO)	Write (v), Writer (n) (Word Family: write, wrote, written)	Please write me a postcard. → Please write a postcard to me .	Bản dịch: Làm ơn viết cho tôi một tấm bưu thiếp. <i>Giải thích:</i> Hành động viết và gửi đi hướng tới người nhận (dùng "to").
Get (FOR)	Get (v) (Word Family: get, got, gotten)	Can you get me a glass of water? → Can you get a glass of water for me ?	Bản dịch: Bạn có thể lấy cho tôi một cốc nước được không? <i>Giải thích:</i> Lấy giúp ai cái gì, dùng "for".
Pass (TO)	Pass (v, n) (Word Family: pass, passed, passage)	Pass me the salt, please. → Pass the salt to me , please.	Bản dịch: Làm ơn chuyển lọ muối cho tôi. <i>Giải thích:</i> Chuyển giao trực tiếp đồ vật qua tay, dùng "to".
Choose (FOR)	Choose (v), Choice (n) (Word Family: choose, chose, chosen)	He chose her a nice dress. → He chose a nice dress for her .	Bản dịch: Anh ấy đã chọn một chiếc váy đẹp cho cô ấy. <i>Giải thích:</i> Lựa chọn giúp ai đó, dùng "for".
Teach (TO)	Teach (v), Teacher (n) (Word Family: teach, taught, teacher)	Mr. Phong teaches us English grammar. → Mr. Phong teaches English grammar to us .	Bản dịch: Mr. Phong dạy chúng tôi ngữ pháp tiếng Anh. <i>Giải thích:</i> Truyền đạt kiến thức trực tiếp tới học viên, dùng "to".
Build (FOR)		They built their parents a new house.	Bản dịch: Họ đã xây một ngôi nhà mới cho bố mẹ mình.

Động từ & Nhóm	Word Family	Cấu trúc 1 (Không giới từ) & Cấu trúc 2 (Có giới từ)	Bản dịch & Giải thích ngữ pháp
	Build (v), Builder (n) (Word Family: <i>build, built, building</i>)	→ They built a new house for their parents .	<i>Giải thích:</i> Xây dựng công trình dành tặng người khác, dùng "for".
Tell (TO)	Tell (v), Tale (n) (Word Family: <i>tell, told</i>)	Tell me the truth. → Tell the truth to me .	Bản dịch: Hãy nói sự thật cho tôi biết. <i>Giải thích:</i> Truyền đạt lời nói trực tiếp đến người nghe, dùng "to".

3. Bảng Tóm Tắt Nhanh & Lưu Ý Quan Trọng

Loại cấu trúc	Vị trí Tân ngữ	Công thức chung	Ví dụ minh họa
Không giới từ (Double Objects)	Người đứng TRƯỚC Vật	S + V + O(người) + O(vật)	He gave me a book.
Có giới từ (Prepositional Objects)	Vật đứng TRƯỚC Người (+ to/for)	S + V + O(vật) + to/for + O(người)	He gave a book to me .

Lưu ý đặc biệt: Khi tân ngữ trực tiếp (Vật) là một đại từ ngắn (như *it, them*), bạn bắt buộc phải dùng cấu trúc không giới từ đặt trước hoặc dùng cấu trúc với giới từ tùy theo động từ, nhưng phổ biến nhất là đưa đại từ người lên trước (Ví dụ: *Give it to me* thay vì *Give me it*).

4. Lời Khuyên Dành Cho Học Sinh Luyện Thi

Nắm vững quy tắc chuyển đổi giữa hai cấu trúc tân ngữ và phân biệt chuẩn xác khi nào dùng **TO**, khi nào dùng **FOR** sẽ giúp các em xử lý hoàn hảo các bài tập viết lại câu (Sentence Transformation) và hoàn thành câu trong kỳ thi tuyển sinh lớp 10 và tốt nghiệp THPT.

Chương trình tiếng Anh tương tác **"From ZERO to MASTER"** chạy trên các trình duyệt hiện đại (Chrome, Firefox, Cốc Cốc, Opera).

Mọi thắc mắc xin liên hệ: **Mr. Lê Đại Phong** |  Phone & Zalo: **0971386608** |  Email: **typhoon620@gmail.com**

Luyện thi cấp tốc vào lớp 10 & tốt nghiệp 12 tại: www.tienganhhaiphong.vn **CLICK HERE ➔**